

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lộc Văn N; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi làm việc: Công an xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Trương Thị D; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lộc Văn N và chị Trương Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lộc Văn N và chị Trương Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lộc Văn N và chị Trương Thị D thoả thuận.

Giao cho chị Trương Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lộc Thiện A, sinh ngày 07/7/2015 và cháu Lộc Đình N1, sinh ngày 06/5/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lộc Văn N có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lộc Đình N1, sinh ngày 06/5/2023 mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2025. Chị Trương Thị D là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hằng tháng.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn anh Lộc Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh Lộc Văn N và chị Trương Thị D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Lộc Văn N tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh Lộc Văn N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 0003925 ngày 22/11/2024.

Chị Trương Thị D không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Văn Công